

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-PT

Ngày 30 - 9 - 2021

V/v tranh chấp QDS đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 69/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lý Văn T**, sinh năm 1955, (có mặt)

Địa chỉ: Số ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh **Thái Hoàng L**, sinh năm 1996, (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Khuru Mỹ V, sinh năm 1961, (có mặt)

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Thái Hồng S, sinh năm 1956, (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Bà Châu Thị N, sinh năm 1960, (có đơn xin vắng mặt)

3.4. Chị Châu Khiết M, sinh năm 1985, (có đơn xin vắng mặt)

3.5. Anh Lý Trọng Ng, sinh năm 1990, (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.6. Ông Trần Như H, sinh năm 1965, (có đơn xin vắng mặt)

3.7. Bà Trần Bạch Y, sinh năm 1968, (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Khuru Mỹ V, sinh năm 1961.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019, lời khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng trình bày:

Nguồn gốc nhà đất ông đang quản lý, sử dụng hiện nay do cho mẹ ông được nhà nước cấp trước năm 1975, sau đó cho lại ông quản lý, sử dụng đến năm 2006 ông kê khai, đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 228,5m² tại thửa 148, tờ bản đồ số 44; tọa lạc tại ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, hiện trạng phần đất của ông giáp ranh với phần đất của ông Lý Hải Đ, nhà của ông và nhà của ông Lý Hải Đ sát vách nhau, trước năm 1970 hai nhà dùng giấy cạt tông làm vách ngăn ở phía trước, còn vách phía sau dùng lá dừa nước, đến năm 1970 tháo dỡ vách cạt tông và lá xây tường phía trước và phía sau, còn đoạn giữa vẫn để vách lá, sau đó ông xây hồ nước tại đoạn vách lá, do đoạn nhà này là vách lá nên khi ông xây dựng hồ nước không xây sát vách lá nên từ vách tường hồ nước đến ranh đất còn một khoảng trống, quá trình sử dụng vách lá mục nát, ông Đ lấy vách hồ nước của ông để làm vách nhà, sau đó ông Đ bán nhà đất lại cho vợ chồng bà V, ông S. Sau khi mua nhà, vợ chồng bà V dựng cột xà gồ theo vách hồ nước của ông và che mái nhà lán luôn phần trên không, quá trình sử dụng bà V đã làm thủ tục tặng cho con của bà V, ông S tên L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng của ông Đ. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh L và bà V cùng có trách nhiệm tháo dỡ phần mái che giao trả phần đất đã lán chiếm qua đo đạc thực tế diện tích 1,2m² tại thửa 148, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Theo bị đơn Thái Hoàng L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khuru Mỹ V thống nhất trình bày: Năm 1983 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Lý Hải Đ phần đất và căn nhà gắn liền với đất, hiện trạng nhà đất giáp ranh với nhà đất của ông T, sau khi ông Đ bán nhà, đất cho bà thì ông Đ đi Mỹ và hiện nay định cư ở Mỹ, bà không biết địa chỉ cụ thể của ông Đ. Hiện trạng nhà lúc mua là dùng vách chung với nhà ông T, đoạn giữa cũng có vách tường nhưng không thẳng ra sau hết đất, sau khi mua nhà của ông Đ vợ chồng bà không quản lý, sử dụng mà cho ông Trần Như H thuê, năm 2006 vợ chồng bà đi kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 211,4m², tại thửa 149, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, đến năm 2016 vợ chồng bà tặng cho Thái Hoàng L toàn bộ diện tích đất và nhà, nên hiện nay Thái Hoàng L đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Nay nếu căn cứ vào bức tường vách trước kéo thẳng ra sau thì sẽ mất đất của bà, nên bà không đồng ý trả phần đất diện tích 1,2m² cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Hồng S trình bày: Về nguồn gốc nhà, đất đúng là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Lý Hải Đ năm 1983, sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông không quản lý sử dụng mà cho người khác thuê, năm 2006 ông kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, đến năm 2016 vợ chồng ông làm thủ tục tặng cho con là Thái Hoàng L, hiện nay ông và bà V đã ly hôn và ông đã lên Tp. Cần Thơ sinh sống đã lâu, nên không còn nhớ ranh đất với ông T, ông không còn quyền lợi gì đối với phần đất này nữa, nên ông không có ý kiến yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị N là vợ ông Lý Văn T và Lý Khiết M, Lý Trọng Ng là con của ông Lý Văn T thống nhất với lời trình bày của ông T, không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Đối với vợ chồng ông Trần Như H và bà Trần Bạch Y là người thuê nhà của bà V xác định nhà do vợ chồng thuê để buôn bán hàng hóa, việc thuê nhà đất không có làm hợp đồng, nên không biết diện tích nhà đất thuê là bao nhiêu, bà V và ông T tranh chấp diện tích 1,2m² không ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng trong việc thuê nhà, đất, nên vợ chồng không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T. Buộc anh Thái Hoàng L và bà Khưu Mỹ V có nghĩa vụ tháo dỡ 01 cây cột xà gồ và mái nhà diện tích 1,2m² để giao trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 1,2m² cho ông Lý Văn T, bà Châu Thị N, chị Lý Khiết M và anh Lý Trọng Ng, phần đất tọa lạc tại ấp Nội Ô thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên số đo các cạnh kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khưu Mỹ V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V nộp bổ sung bản tường trình của 04 người làm chứng và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V, ông T và bảng vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp, kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, bà V không đưa ra được chứng cứ để chứng minh vách tường do ông T xây dựng là vách chung làm ranh, theo ông T xác định vách tường hiện trạng là vách hồ nước do ông xây dựng không phải là ranh đất, theo cơ quan chuyên môn xác định, phần đất tranh chấp diện tích 1,2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Do đó, cấp sơ thẩm xử buộc và V và anh L có trách nhiệm tháo dỡ phần mái nhà để giao trả phần đất lấn chiếm lại cho ông T là có căn cứ, phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thái Hoàng L; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Hồng S, bà Châu Thị N, anh Lý Trọng Ng, chị Lý Khiết M, ông Trần Như H và bà Trần Bạch Y đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 294, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông Lý Văn T yêu cầu anh Thái Hoàng L và bà V giao trả phần đất đã lấn chiếm, nên việc tranh chấp của các bên là tranh chấp quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp các bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 08/7/2019, 15/3/2021 và bảng vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp lập ngày 29/8/2019 thì phần đất tranh chấp có diện tích 1,2m², thuộc một phần thửa 148, tờ bản đồ số 44; tọa lạc tại: ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp thửa 149 do bà Khuru Mỹ V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 6,10m.

- Cạnh hướng Tây thuộc một phần thửa 148 do ông Lý Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 6,11m

- Cạnh hướng Nam thuộc một phần thửa 148 do ông Lý Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 0,40m

- Cạnh hướng Bắc là ranh đất của thửa 148 và 149, có số đo 00m

[3.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lý Văn T đứng tên, được UBND huyện H cấp ngày 03/10/2006, phần đất có số đo các cạnh và diện tích cụ thể:

- Cạnh hướng Đông giáp thửa 149 có số đo 52,2m.

- Cạnh hướng Tây giáp thửa 146 có số đo 36,1m + 16,4m

- Cạnh hướng Nam giáp đường bê tông có số đo 3,9m

- Cạnh hướng Bắc giáp đường nhựa có số đo 4,8m

Diện tích 228,5m² thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thái Hồng S và bà Khuru Mỹ V đứng tên, được UBND huyện H cấp ngày 01/12/2006 phần đất có số đo các cạnh và diện tích cụ thể:

- Cạnh hướng Đông giáp thửa 150 có số đo 52,5m.
- Cạnh hướng Tây giáp thửa 148 có số đo 52,2m
- Cạnh hướng Nam giáp đường bê tông có số đo 4.0m
- Cạnh hướng Bắc giáp đường nhựa có số đo 4,1m

Diện tích 211,4m² thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 08/7/2019 và mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bạc Liêu lập ngày 29/8/2019, thể hiện phần đất của ông T và bà V qua đo đạc thực tế có số đo các cạnh và vị trí cụ thể như sau:

- + Đo đạc thực tế hiện trạng phần đất ông Lý Văn T
- Cạnh hướng Đông giáp thửa 149 có số đo 14,00m + 27,56m.
- Cạnh hướng Tây giáp thửa 146 có số đo 31,44m + 16,4m
- Cạnh hướng Nam giáp đường Lý Thường Kiệt có số đo 3,9m
- Cạnh hướng Bắc giáp đường Chu Văn An có số đo 4,81m

Diện tích 205,8m² (có 22m² thuộc hành lang an toàn đường bộ)

- + Đo đạc thực tế phần đất của bà Khuru Mỹ V
- Cạnh hướng Đông giáp thửa 150 có số đo 48,02m.
- Cạnh hướng Tây giáp thửa 148 có số đo 14m + 27,56m
- Cạnh hướng Nam giáp đường Lý Thường Kiệt có số đo 4.0m
- Cạnh hướng Bắc giáp đường Chua Văn An có số đo 4,12m

Diện tích 188,7m² (có 8,8m² thuộc hành lang an toàn đường bộ).

[4] Xét quá trình đo đạc thực tế thấy rằng, tổng diện tích của hai thửa đất có giảm do việc mở rộng đường nhựa ở hướng Bắc (đường hiện trạng là Chu Văn An) và mở rộng đường bê tông ở hướng Nam (đường hiện trạng là Lý Thường Kiệt). Tuy nhiên, về số đo của cạnh ngang ở hướng Nam của hai thửa đất không thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà V, số đo cạnh ngang ở hướng Bắc (đường Chu Văn An) của hai thửa đất có tăng hơn so với cạnh ngang trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà V, cụ thể cạnh ngang hướng Bắc thửa đất của bà V tăng 0,02m (theo giấy CN QDS đất 4,1m, đo thực tế 4,12m); cạnh hướng Bắc thửa đất của ông T tăng 0,01m, (theo giấy CN QDS đất 4,8m, đo thực tế 4,81m). Theo vị trí, hiện trạng phần đất của ông T và bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một đường thẳng giáp nhau, tuy nhiên qua khảo sát thực tế ở đoạn 14m tính từ hướng đường Lý Thường Kiệt đo vào thì phần vách tường và mái che phía bên phần đất của bà V không còn là đường thẳng, có một phần lấn qua phần đất của ông T. Theo xác định của cơ quan

chuyên môn phần đất 1,2m² đang tranh chấp thuộc thửa 148. Như vậy, có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét quá trình sử dụng đất, hiện trạng việc sử dụng đất của bà V và ông T qua đo đạc thực tế không có sự chênh lệch lớn so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cạnh hướng Đông bên phần đất của ông T và cạnh hướng Tây bên phần đất của bà V ở hai đầu hướng Bắc và hướng Nam không có tranh chấp, hiện trạng phần đất tranh chấp chỉ từ đoạn 14m đo từ hướng Nam vào thì có bức tường do ông T xây dựng cách ranh đất 0,4m chiều ngang và chiều dài 6,10m. Theo ông T xác định, bức tường này do ông xây dựng, do vị trí này trước đây ông xây hồ nước để sử dụng, khi đó vách nhà ông Đ là vách lá nên khi xây dựng ông không thể xây sát vách được, khi ông Đ bán nhà cho bà V thì vách lá đã mục và bà V lần sang đến vách tường hồ nước của ông, nhiều lần ông yêu cầu bà V giao trả nhưng bà V không trả, khi bà V lợp mái che lần trên phần đất đã lần chiếm là lúc ông đi nước ngoài nên không biết, khi ông về có yêu cầu bà V tháo dỡ nhưng bà V không tháo dỡ và kéo dài đến nay. Bà V cũng thừa nhận bức tường hiện trạng do ông T xây dựng, khi bà mua nhà của ông Đ đã có bức tường nên bức tường này là ranh đất giữa đất của bà và đất của ông T. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bà V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bức tường do ông T xây dựng là ranh đất giữa đất của bà với đất ông T, trong khi cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp diện tích 1,2m² thuộc một phần thửa 148 ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông T.

[6] Xét lời khai của những người làm chứng như bà Nguyễn Thị N, bà Trần Thị Y, bà Quách Thị M và bà Thái Xiếu L do bà V cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của những người này chỉ trình bày từ năm 1994, 1995 có đến thuê nhà, dọn dẹp nhà của bà V nhìn thấy bức tường nhà bà V không thẳng có đoạn lồi lõm, nhưng những người làm chứng này không biết được bức tường đó do ai xây dựng, xây dựng từ khi nào, hiện trạng ranh đất của ông T và ông Đ trước khi ông Đ bán nhà đất cho bà V, nên lời khai của những người làm chứng này chưa đủ căn cứ để xác định bức tường hiện trạng là ranh đất giữa bà V với đất ông T.

[7] Xét kháng cáo của bà Khuru Mỹ V, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vị trí, số đo các cạnh của phần đất mà bà V và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và qua xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng phần đất bà V và ông T đang sử dụng, trên cơ sở xác định của cơ quan chuyên môn, thì có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp ông Lý Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà V và anh L cùng có trách nhiệm tháo dỡ phần mái che để giao trả phần đất và phần không gian đã lần chiếm của ông T là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Khuru Mỹ V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Khuru Mỹ V được miễn nộp án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo bà Khuru Mỹ V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T. Buộc anh Thái Hoàng L và bà Khuru Mỹ V cùng có trách nhiệm tháo dỡ 01 cây cột sắt (sắt xà gồ) và mái nhà diện tích 1,2m² để giao trả phần không gian và phần đất lấn chiếm cho ông Lý Văn T, bà Châu Thị N, chị Lý Khiết M và anh Lý Trọng Ng, phần đất tọa lạc tại ấp Nội Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp thửa 149 do bà Khuru Mỹ V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 6,10m.

- Cạnh hướng Tây thuộc một phần thửa 148 do ông Lý Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 6,11m

- Cạnh hướng Nam thuộc một phần thửa 148 do ông Lý Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo 0,40m

- Cạnh hướng Bắc là ranh đất của thửa 148 và 149, có số đo 00m

Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu lập ngày 29/8/2019 được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá là 2.000.000đ: Buộc anh Thái Hoàng L có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lý Văn T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Thái Hoàng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Khuru Mỹ V được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- TAND huyện Hồng Dân (01b)
- CCTHADS huyện Hồng Dân (01b);
- Các đương sự (09b);
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn